TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135 /2018/DS-PT
Ngày: 04-6-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất đất, đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Phạm Ngọc Giao

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2018/TLPT- DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thành P (tên gọi khác là T), sinh năm: 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyên H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* của bị đơn Lê Thành P là: Luật sư Võ Thị T, Văn phòng Luật sư X - chi nhánh C, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1944.

3.2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1960.

3.3. Bà Lê Thị S, sinh năm 1965.

3.4. Bà Lê Thị M, sinh năm 1969.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M là: Ông Lê Thành P (theo văn bản ủy quyền 01/4/2013).

3.5. Anh Hồ Văn L, sinh năm 1984.

3.6. Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1987.

3.7. Bà Dương Thị Bé N, sinh năm 1965.

3.8. Anh Lê Hiền Đ, sinh năm 1986.

3.9. Chị Lê Thị Trang E, sinh năm 1988.

3.10. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của Nguyễn Văn K, Hồ Văn L, Lê Thị Thùy T, Dương Thị Bé N, Lê Hiền Đ, Lê Thị Trang E là: Ông Lê Văn H1 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2016).

3.11. Chị Lê Thị N1, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

3.12. Anh Lê Thành N, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

3.13. Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

3.14. Chị Lê Thị N2, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

3.15. Chị Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1975 (vợ ông P).

3.16. Chị Lê Thị G, sinh năm 1985.

3.17. Lê Thị Bảo N, sinh năm 2000 (con ông P).

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp.

3.18. Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Ấp Phú T, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh A.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của Lê Thị Tuyết T, Lê Thị G, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị Bảo N là: Ông Lê Thành P (theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2016 và ngày 07/12/2016).

3.19. Bà Lê Thị L, sinh năm 1954 (chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* của bà Lê Thị L:

3.19.1. Ôn Thị Thanh T, sinh năm 1971.

3.19.2. Ôn Trường G, sinh năm 1974.

3.19.3. Ôn Thị Thanh L, sinh năm 1977.

3.19.4. Ôn Thị Bích Đ, sinh năm 1979.

3.19.5. Ôn Trường S, sinh năm 1982.

3.19.6. Ôn Trường H, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H là: Ông Lê Thành P (theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2016).

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp.

3.20. Ông Lê Thành N1, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

3.21. Ủy ban nhân dân huyện H.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo pháp luật* là ông Nguyễn Văn K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.22. Bà Lê Thị H, sinh năm 1935 (có đơn xin vắng mặt).

3.23. Anh Lê Văn V, sinh năm 1984 (con bà H) (có đơn xin vắng mặt).

3.24. Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1987 (vợ anh V) (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp.

3.25. Chị Lê Thị T, sinh năm 1964 (em của ông H1).

3.26. Chị Lê Thị Thu B, sinh năm 1970 (em của ông H1).

3.27. Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1972 (em của ông H1).

3.28. Anh Lê Văn L1, sinh năm 1974 (em của ông H1).

3.29. Anh Lê Văn L2, sinh năm 1979 (em của ông H1).

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Lê Thị T, Lê Thị Thu B, Lê Thị Đ, Lê Văn L1, Lê Văn L2 là: Ông Lê Văn H1 (theo văn bản ủy quyền ngày 24-25/10/2017).

3.30. Bà Trần Thị T, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

3.31. Chị Lê Thị P, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường V, phường Vĩnh T, thành phố N, tỉnh K.

3.32. Anh Lê Văn H2, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: phường Bình C, thị xã T, tỉnh B.

Người kháng cáo: - Ông Lê Văn H1 là nguyên đơn;

- Ông Lê Thành P là bị đơn;

- Bà Lê Thị P, Lê Thị M, Lê Thị K, Lê Thị S, Ôn Trường G là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Văn H1 - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn K, Hồ Văn L, Lê Thị Thùy T, Dương Thị Bé N, Lê Hiền Đ, Lê Thị Trang E, bà Lê Thị T, Lê Thị Thu B, Lê Thị Đ, Lê Văn L1, Lê Văn L2 trình bày:

Nguyên trước năm 1975, mẹ của ông là bà Lê Thị Đ (chết ngày 30/4/2010) được ông bà ngoại của ông là cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị N cho phần đất tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, việc cho đất lúc ông bà ngoại ông còn sống và các anh chị em của mẹ ông mỗi người đều nhận phần đất được cho cập liền kề nhau.

Sau khi nhận phần đất mẹ ông có cho ông Lê Văn M (là anh ruột) cùng vợ ông M cất nhà lấn qua phần đất của mẹ ông ngang 5m, dài 13m, hình thức là cho mượn ở nhờ vào năm 1979, việc cho mượn không có giấy tờ và cũng không có ai biết. Đến năm 1995, ông làm đơn khiếu nại đến ấp Phú L, xã Phú T yêu cầu ông M trả lại đất, tại phiên hòa giải ông M thỏa thuận là xin ở hết đời vợ chồng ông M và các con ông M phải trả phần đất này lại cho ông (vì phần đất này mẹ ông đã cho lại ông). Ông đã đi đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận vào năm 2001. Việc thỏa thuận trả đất giữa ông và ông M được ban nhân dân ấp Phú L, xã Phú T hòa giải thành ngày 23/8/1995. Trước đây, vào khoảng năm 1998 ông di dời nhà của ông đi nơi khác là do lấn chiếm lòng lề đường theo Nghị định 36 của Chính phủ, ông là Đảng viên phải gương mẫu thực hiện, chứ không phải di dời trả đất cho ông Lê Văn M và ông Lê Văn N. Khi vợ chồng ông M cất nhà ở thì các người con ông M không có ở chung, chỉ có vợ chồng ông M sống trong nhà. Năm 2005 vợ ông M chết chỉ còn lại ông M sống trong nhà. Đến năm 2010, thì ông Lê Thành P là cháu ông M đã có vợ ở nhà riêng tự nhập hộ khẩu về ở chung với ông M. Năm 2012 ông M chết, ông P dọn đồ đạc vào ở nhà ông M nhằm mục đích chiếm đoạt đất của ông. Nay vợ chồng ông M đã qua đời, nên ông yêu cầu ông Lê Thành P và vợ là Lê Thị Tuyết T, con Lê Thị Bảo N là người ở trong nhà ông M cùng những người thừa kế của ông M là Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H có trách nhiệm tháo dỡ, di dời nhà và đồ đạc trả lại cho ông diện tích chiều ngang 5m và chiều dài 13m, tổng diện tích là: 65m^2 (qua đo đạc là 62m^2) nên ông yêu cầu 62m^2 thuộc thửa 126 tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã Phú T, huyện H.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 23/8/1995 thì ông Lê Văn M thừa nhận

khi nào con cháu ông hay ông cất nhà thì ông M sẽ tháo dỡ, di dời nhà, chuồng heo để trả đất lại cho ông H1. Khi ông H1 cho cháu ông là anh Nguyễn Văn K cất nhà ở phía sau (không nằm trong phần đất tranh chấp) khoảng năm 2002, thì không còn chuồng heo, vì ông M đã di dời rồi, đối với phần chuồng nuôi gà của anh Nguyễn Văn K ông cho để tạm, anh K không có dính líu gì hết. Nếu Tòa án giải quyết phần đất thuộc về ông thì ông cho K để chuồng nuôi gà trên đất không có tranh chấp, còn nếu giao đất cho người khác thì anh K phải di dời. Việc ông P nói ông chở ông M đi đăng ký cấp giấy là không có, vì năm 1995 ông đang kiện ông M. Ông M cũng không có lẫn, cho đến năm 2001 và 2006 ông M còn ký giấy bán đất cho ông Trần Văn T có làm biên nhận tiền và vàng. Vợ chồng ông và các con không chấp nhận các yêu cầu phản tố của ông Lê Thành P.

- Bị đơn ông Lê Thành P - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị G, Lê Thị Bảo N, Lê Thị Ngọc B, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H trình bày:

Vào năm 1962, ông bà cố ông là cụ Lê Văn C và cụ Nguyễn Thị N có cho ông bà nội của ông là ông Lê Văn M (chết năm 2012) và Dương Thị T (chết năm 2004) một căn nhà, sân và chuồng heo trên đất cặp lộ làng có tổng diện tích là 149,68m^2. Phần diện tích đất này do địa chính xã đo đạc ông mới biết được (không biết ngang dài bao nhiêu), việc ông bà cố cho đất chỉ nói miệng không có làm giấy tờ, ông bà nội của ông có 06 người con gồm: 1. Lê Văn D (cha ông) chết năm 1996, (ông D có 08 người con gồm: Lê Thành P, Lê Thành N, Lê Thành N1, Lê Thị Ngọc B, Lê Thị N1, Lê Thị G, Lê Thị N2 và Lê Thị H); 2. Lê Thị L(đã chết), bà L có 06 người con gồm: Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H); 3. Lê Thị P; 4. Lê Thị K; 5. Lê Thị S; 6. Lê Thị M. Lúc còn nhỏ thì cha ông và các cô sống chung với ông bà nội, khi lớn lên có vợ, có chồng mới ra ở riêng. Còn ông thì từ nhỏ đã sống chung với ông bà nội đến lớn, đến khi bất đồng với mấy người cô thì ông mới che máy chòi phía sau ra ở riêng khoảng 4 -5 năm. Sau đó, thấy ông bà nội già yếu nên ông mới dọn vào ở chung với ông bà nội. Năm 1990, ông Lê Văn H1 là cháu gọi ông nội ông và ông Lê Văn N bằng cậu ruột, có hỏi ông nội của ông và ông N cất căn nhà phía trước sân nhà của ông M và ông N để ở tạm. Khi cất nhà, ông H1 cất lấn qua sân nhà ông M ngang 2,3m, dài 6,4m. Đến năm 1995, ông H1 dời nhà đi nơi khác và trả lại đất cho ông M và ông N. Trong khi đó, phần đất của ông N đã bán cho người khác sử dụng ổn định lâu dài. Năm 2004 bà T qua đời, lúc này ông Lê Văn M đã 82 tuổi, mất trí nhớ từ lâu, sống nhờ vào sự phụng dưỡng của 05 người con gái và cháu nội là ông. Ngày 27/11/2010 không hiểu lý do gì ông H1 kéo đông người đến làm hàng rào chắn sát ngay mí trước và mí sau nhà của ông M, dỡ bỏ bàn thờ thông thiên trước sân nhà và ngăn cách căn nhà với chuồng heo phía sau nhà, nhằm ý đồ chiếm cái sân và phần đất phía sau nhà, ông có can ngăn thì bị anh em ông H1 cầm len rượt đánh ông bị chấn thương tay. Do nể tình bà con nên ông không kiện, cán bộ địa chính và Công an xã có đến ngăn cản, lập biên bản nhưng ông H1 vẫn cứ làm hàng rào và tồn tại đến nay. Ngày 10/12/2010 ông có làm đơn khiếu nại đến UBND xã Phú T, đến ngày 12/01/2011

UBND xã có tổ chức hòa giải nhưng không thành nên ông có làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Trong khi chờ Tòa án giải quyết đơn, ngày 15/11/2011 ông H1 dẫn một số người đến đập phá chuồng heo và khoảng ngày 10/6/2011 ông H1 xây dựng một căn nhà trên phần đất tranh chấp, mặc dù ông có đơn yêu cầu ngăn chặn gửi nhiều nơi. Vào năm 1995 ông H1 chở ông M là ông nội của ông ra Ban nhân dân ấp Phú L, ký một tờ giấy và sau đó được UBND xã xác nhận với nội dung là: Khi ông nội ông chết thì sẽ trả lại phần đất đang cất nhà cho ông H1, việc ông nội ông ký tên vào đó thì bà nội ông và các con không hề hay biết, trong khi tinh thần ông nội của ông đã không ổn định lúc ông 68 - 70 tuổi. Vì vậy, việc ông nội ông ký tên trả đất là không có giá trị. Đến khoảng tháng 10/2001 thì Ủy ban đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1, ông và những người thừa kế của ông Lê Văn M không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông H1, đồng thời ông có đơn yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu ông Lê Văn H1 và con ông H1 là Hồ Văn L và Lê Thị Thùy T phải di dời căn nhà đang ở trên phần đất đang tranh chấp trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M phần đất phía trước căn nhà có diện tích ngang 05m x dài 06m = 30m^2 (qua đo đạc thực tế là 29,6m^2) nên ông yêu cầu trả lại 29,6m^2 thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại xã Phú T, huyện H. Nếu yêu cầu phản tố của ông được chấp nhận thì ông tiếp tục sử dụng phần đất này như từ trước đến nay, nếu yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận buộc ông phải dỡ nhà và trả đất thì tùy Tòa án quyết định.

- Yêu cầu ông Lê Văn H1 và anh Nguyễn Văn K tháo dỡ, di dời hàng rào và chuồng nuôi gà phía sau nhà trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M qua đo đạc thực tế là 17m^2 thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại xã Phú T, huyện H.

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Văn H1 đối với phần đất có nhà ông Lê Văn M mà ông đang trực tiếp sử dụng và phần đất ông yêu cầu ông H1 trả lại.

- Đối với yêu cầu ông Lê Văn H1 phải bồi thường thiệt hại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M số tiền 150.000đ để làm lại bàn thờ thông thiên và 1.000.000đ để làm lại chuồng heo, thì nay ông xin rút lại đơn, không yêu cầu nữa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Lê Thành N, Lê Thành N1, Lê Thị N1, Lê Thị N2, Lê Thị H, Lê Thị G, Lê Thị Ngọc B cùng trình bày:

Chúng tôi là con của ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị N, là em ruột của ông Lê Thành P, phần đất mà ông nội chúng tôi là Lê Văn M cất nhà ở trước đây, nay ông H1 khởi kiện yêu cầu trả, chúng tôi không đồng ý trả và giao toàn quyền quyết định cho ông P.

+ Bà Trần Thị T, chị Lê Thị P, anh Lê Văn H2: không có bản khai ghi ý kiến gửi Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Văn N (đã chết) và là mẹ của Lê Văn V, chồng bà có mối quan hệ bà con với H1 và P, nguồn gốc đất tranh chấp là của dòng họ bên chồng bà phân chia, đất được phân chia sau năm 1975, còn cụ thể năm nào bà không nhớ rõ, khi phân chia đất thì nhà của ông M đã cất trên phần đất mà mẹ của ông H1 được chia, nguyên nhân vì sao thì bà không rõ, nhà của ông M cất trên 30 năm, bà thừa nhận trước đây bà có quản lý bản chính tờ di chúc ngày 13/4/1982 của cụ Nguyễn Thị N để lại, nhưng sau đó khi bà cất nhà lại thì đã để thất lạc, hiện không còn quản lý và nội dung tờ di chúc như thế nào thì bà không nhớ, nội dung tờ di chúc chỉ liên quan đến chồng bà là Lê Văn N, không có liên quan đến bà.

+ Anh Lê Văn V trình bày:

Gia đình anh gồm có 3 người, anh cùng mẹ anh là bà Lê Thị H và vợ là Nguyễn Thị Mỹ T, phần đất gia đình anh hiện đang cất nhà ở giáp ranh với phần đất hiện ông H1 và ông P đang tranh chấp, trong diện tích đang tranh chấp có diện tích ngang đầu ngoài là 0,6m, ngang đầu trong là 0,3m, chiều dài là 14,9m, tổng diện tích là 06m^2 thuộc quyền sử dụng đất do anh đứng tên, việc tranh chấp giữa ông H1 với ông P anh không có tranh chấp và không có yêu cầu gì đối với diện tích có dính đến quyền sử dụng đất do anh đứng tên, nếu giải quyết ai được sử dụng thì người đó sử dụng, anh không khiếu nại hay tranh chấp gì.

+ Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn H1 thửa đất số 2201, 2202, 2203, tờ bản đồ số 02, bản đồ giải thửa, diện tích 1.295m^2 có số vào sổ 02248/QSDĐ/A1 được Ủy ban nhân dân huyện ký vào ngày 01 tháng 11 năm 2000. Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn H1 đúng theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 03 năm 1998 của Tổng Cục địa chính, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có phát sinh tranh chấp. Năm 2001, hộ ông Lê Văn H1 đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 126, 127, 132, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.356m^2 có số vào sổ 00114/QSDĐ/1113/QĐUB- NĐ được Ủy ban nhân dân huyện ký vào ngày 13/9/2006.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn M, sinh năm 1922, CMND số: 340280680, ngụ ấp Phú L, xã Phú T có số vào sổ quản lý 01172QSDĐ/A1, thửa số 599, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.800m^2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 26 tháng 11 năm 1992 đúng quy định tại thời điểm cấp giấy. Năm 2001, hộ ông Lê Văn M đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 40, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.835m^2 có số vào sổ 00208/QSDĐ/1113/QĐUB-NĐ cấp ngày 08/10/2001. Năm 2012, bà Lê Thị K, sinh năm 1960, CMND số 340280907 nhận quyền sử dụng đất từ hộ ông Lê Văn M cấp lại ngày 14/6/2012.

Bản án số 02/2018/DSST ngày 12/01/2018 của Tòa án huyện H tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn H1.

Buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích

Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H liên đới trả giá trị đất cho ông Lê Văn H1 diện tích 57,9m^2, giá 500.000đồng/m^2, thành tiền là 28.950.000 đồng.

Ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H được tiếp tục sử dụng diện tích đất 57,9 m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (theo sơ đồ thể hiện ở vị trí số 12,15,20,23), vị trí:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn H1 4,4m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn H1 4,4m;

+ Hướng Nam giáp đất ông Lê Văn V 13,21m;

+ Hướng Bắc giáp đất những người thừa kế ông Lê Văn M 12,85m.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích mà mình được sử dụng nêu trên.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 57,9m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 9 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H1 ngày 08/10/2001 (vị trí như đã nêu trên) để cấp lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M là ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H - là những người được tiếp tục sử dụng (nếu các đương sự có yêu cầu).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Thành P (đại diện cho Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H), về việc buộc ông Lê Văn H1, anh Nguyễn Văn K tháo dở một phần hàng rào và chuồng gà.

Buộc ông Lê Văn H1, anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm tháo dở, di dời bằng mọi hình thức phần hàng rào, chuồng gà cùng với các vật dụng khác (nếu có) ra khỏi diện tích đất 5,7m^2 thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H (theo sơ đồ ở vị trí số 1,3,4,5,8,9,10) để giao trả lại cho Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H là những người thừa kế của ông Lê Văn M quản lý, sử dụng.

(Có bản đồ trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 07/4/2017 và sơ đồ mốc phần đất tranh chấp ngày 28/11/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H kèm theo).

3. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thành P về việc:

3.1. Yêu cầu ông Lê Văn H1 và con ông H1 là Hồ Văn L và Lê Thị Thùy T phải di dời căn nhà trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M phần đất phía trước căn nhà ông M có diện tích là 26m^2 thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H (theo sơ đồ ở vị trí số 26);

3.2. Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Văn H1 đối với các phần đất có nhà ông Lê Văn M; nhà chị Lê Thị Thùy T, anh Hồ Văn L; chuồng gà, hàng rào với tổng diện tích 95,2 m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 9.

3.3. Một phần yêu cầu ông Lê Văn H và anh Nguyễn Văn K tháo dở hàng rào và chuồng gà trên phần đất diện tích 11,3m^2 thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 9 do ông Lê Văn H đứng tên, để trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M sử dụng (theo sơ đồ ở vị trí số 2,6,11).

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Thành P, về việc yêu cầu ông Lê Văn H1 bồi thường thiệt hại về tài sản.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

6. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn H1 và anh Nguyễn Văn K phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ông H1 đồng ý nộp thay phần án phí cho anh K), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H1 đã nộp là 815.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004883 ngày 27/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông Lê Văn H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 515.000đ trong biên lai thu nêu trên.

+ Buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H phải liên đới chịu 2.580.500đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 12073 ngày 07/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, nên còn phải nộp tiếp 2.280.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H phải liên đới nộp 3.534.000đ, ông Lê Thành P đã nộp xong 1.408.000đ. Còn lại ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Lê Văn H1 số tiền 2.126.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/01/2018 ông Lê Văn H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm xử, ông không đồng ý nhận giá trị đất và giao 57,9m^2

thuộc một phần thửa 126 cho gia đình ông P và không đồng ý tháo dở hàng rào chuồng nuôi gà diện tích 5,7m^2 thuộc một phần thửa 521 cho gia đình ông P.

Ngày 23/01/2018 ông Lê Thành P, bà Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị P, Lê Thị M, anh Ôn Trường G có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử, yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H1, công nhận cho ông P và những người thừa kế của ông M được sử dụng diện tích 57,9m^2, buộc ông H1, anh L, chị T phải di dời nhà phía trước trả lại cho ông P và những người thừa kế của ông M diện tích 26m^2 và buộc ông H1, anh K tháo dở hàng rào và chuồng nuôi gà trên phần diện tích 11.3m^2 thuộc một phần thửa 126 để trả lại đất cho những người thừa kế của ông M được sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Ông Lê Thành P đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị P, Lê Thị M, anh Ôn Trường G vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lê Thành P là Luật sư Võ Thị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thành P; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn H1.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H1, ông P, bà P, bà K, bà S, bà M, anh G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn kháng cáo của ông Lê Văn H1 yêu cầu bị đơn Lê Thành P và vợ là Lê Thị Tuyết T, con là Lê Thị Bảo N, và những người thừa kế của ông M là bà Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H phải di dời nhà để trả lại cho ông diện tích 57,9m^2 thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 09 do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý nhận giá trị đất và giao diện tích 57,9m^2 thuộc một phần thửa 126 cho gia đình ông P và những người thừa kế của ông M và ông không đồng ý tháo dở hàng rào, chuồng nuôi gà diện tích 5,7m^2 thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 để trả lại đất cho gia đình ông P và những người thừa kế của ông M.

Xét đơn kháng cáo của ông H1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo đo

đạc thực tế thì căn nhà của vợ chồng ông Lê Văn M hiện ông P đang quản lý sử dụng là cất trên phần đất có diện tích là 84,7m^2 (trên sơ đồ ngày 28/11/2017 thể hiện ở vị trí số 12,13,14,15,17,18,19,20,21,23) trong đó diện tích 57,9m^2 thuộc một phần thửa 126 tờ bản đồ số 09 do ông Lê Văn H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần diện tích còn lại 26,8m^2 thuộc một phần thửa 521, thửa 521 các bên đương sự đều thừa nhận là đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Lê Văn M, nhưng ông M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị N là cha mẹ ruột của bà Đ và ông M, trước năm 1975 ông C và bà N có cho bà Đ phần đất hiện đang tranh chấp, bà Đ có cho vợ chồng ông M ở nhờ, cho nên ông M không đi kê khai đăng ký, khi xãy ra tranh chấp vào năm 1995 ông M có hứa là ông ở hết đời của ông sẽ trả đất lại cho ông H1 (vì bà Đ để đất lại cho ông H1 và ông đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Do đó, xét yêu cầu của ông Lê Văn H1 là có căn cứ. Tuy nhiên, ông M đã cất nhà ở ổn định từ năm 1979 cho đến nay, nên án sơ thẩm giữ nguyên căn nhà của ông M cho những người thừa kế của ông M quản lý sử dụng (theo sơ đồ gồm các mốc M23, M27, M26, M29, M9, M10, M11, M15, M16, M17, M21 trở về M23 được thể hiện vị trí trên sơ đồ số 12,15,20,23) và buộc ông Lê Thành P và vợ là Lê Thị Tuyết T, con Lê Thị Bảo N là người ở trong nhà ông M, cùng những người thừa kế của ông M là Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H có trách nhiệm liên đới trả lại giá trị đất cho hộ ông H1 trên diện tích 57,9 m^2 số tiền 28.950.000 đồng (57,9 m^2 x 500.000đ/m^2).

Đối với phần diện tích đất còn lại 26,8m^2 thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 theo sơ đồ gồm các mốc M2, M3, M4, M5, M8, M11, M10, M9, M29, M36, M37 trở về M2 (được thể hiện vị trí số 13,14,17,18,19,21,) là nhà ông M cất dính vào thửa 521 là phần đất thuộc quyền sử dụng của ông M, hai bên không có tranh chấp, nên những người thừa kế của ông M được tiếp tục sử dụng.

Xét án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Văn H1 buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H liên đới trả giá trị đất cho ông Lê Văn H1 trên diện tích 57,9m^2, giá 500.000đồng/m^2, thành tiền là 28.950.000 đồng. Ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H được tiếp tục sử dụng diện tích 57,9 m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1.

Đối với diện tích 5,7m^2 là phần hàng rào, chuồng nuôi gà do ông H1 và anh K làm và đang sử dụng thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 là phần đất của ông M (theo sơ đồ gồm các mốc M32, M33, M40, M41, M42, M1, M2, M37, M36, M29, M30, M31 trở về M32, thể hiện vị trí số 1,3,4,5,8,9,10), án sơ thẩm buộc ông H1 và anh K phải tháo dở phần hàng rào, chuồng nuôi gà và các tài sản, vật dụng khác có trên phần đất để giao trả lại cho những người thừa kế của ông M sử dụng

là phù hợp, nên việc kháng cáo của ông H1 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử, ông Lê Thành P, bà Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị P, Lê Thị M, anh Ôn Trường G có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử, yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H1, công nhận cho ông P và những người thừa kế của ông M được sử dụng diện tích 57,9m^2, buộc ông H1, anh L, chị T phải di dời nhà phía trước để trả lại cho ông P và những người thừa kế của ông M diện tích 26m^2, và buộc ông H1, anh K tháo dở hàng rào, chuồng nuôi gà trên phần diện tích 11.3m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09 để trả lại đất cho những người thừa kế của ông M được sử dụng. Xét yêu cầu kháng cáo của ông P, bà Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị P, Lê Thị M, anh Ôn Trường G, do ông P là người đại diện ủy quyền, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với yêu cầu phản tố của ông P, yêu cầu ông Lê Văn H1 và con ông H1 là Hồ Văn L, Lê Thị Thùy T di dời căn nhà đang ở để trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M phần đất diện tích 29,6m^2. Qua đo đạc thực tế thì trong diện tích 29,6m^2 có 26m^2 (theo sơ đồ gồm các mốc M11, M13, M14, M15 trở về M11, thể hiện vị trí số 26) là căn nhà của chị T, anh L đang ở thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09 do ông H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và 3,6m^2 (theo sơ đồ gồm các mốc M8, M12, M13, M11 trở về M8 thể hiện ở vị trí số 25) là thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 là đất trống không ai sử dụng, đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Lê Văn M.

Việc ông P cho rằng diện tích đất tranh chấp 29,6m^2 là của ông Lê Văn M được chia, nhưng ông P không có chứng cứ gì chứng minh nguồn gốc đất trên là của ông M được chia, ngoài ra ông P còn trình bày việc phân chia đất có tờ di chúc ngày 03/4/1982 của cụ Bùi Thị N để lại hiện bà Lê Thị H (vợ ông Lê Văn N) đang quản lý và ông yêu cầu Tòa án thu thập, khi Tòa án ra quyết định yêu cầu bà H cung cấp tờ di chúc thì bà H trình bày là trước đây bà có quản lý bản chính tờ di chúc trên, nhưng do làm nhà đã bị thất lạc hiện không còn quản lý và bà cũng không nhớ rõ nội dung tờ di chúc như thế nào, nên ông P trình bày là không có cơ sở.

- Đối với diện tích 26m^2 có căn nhà của chị T, anh L đang ở thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09 (theo sơ đồ gồm các mốc M11, M13, M14, M15 trở về M11, thể hiện vị trí số 26) do ông Lê Văn H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bà Đ (mẹ ông H1) được ông C, bà N cho, ông H1 và con ông H1 là anh L, chị T đang cất nhà ở là phù hợp với pháp luật. Nên việc ông P yêu cầu ông H1, anh L, chị T phải tháo dở di dời căn nhà trả lại phần đất cho ông và những người thừa kế của ông M là không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với diện tích còn lại 3,6m^2 thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 (theo sơ đồ gồm các mốc M8, M12, M13, M11 trở về M8 thể hiện ở vị trí số 25) là phần đất của ông M đang sử dụng hiện nay là đất trống, ông H1, anh L, chị T không có sử dụng và cũng không có tranh chấp. Ông P yêu cầu ông H1, chị T, anh L trả lại phần diện tích này là không đúng thực tế, nên không xem xét giải quyết, nên những người thừa kế của ông Lê Văn M được tiếp tục sử dụng.

- Đối với yêu cầu của ông P yêu cầu ông Lê Văn H1 và anh Nguyễn Văn K phải tháo dỡ, di dời hàng rào, chuồng nuôi gà phía sau nhà để trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M diện tích 17m^2 theo sơ đồ thể hiện vị trí số 1,2,3,4,5,6,8,9,10,11), qua đo đạc thực tế thì diện tích 11,3m^2 thuộc một phần của thửa số 126, tờ bản đồ số 09 (theo sơ đồ thể hiện vị trí số 2,6,11) là do ông H1 đứng tên trong giấy nhận quyền sử dụng đất, và 5,7m^2 thuộc một phần thửa số 521, tờ bản đồ số 09 (theo sơ đồ thể hiện ở vị trí số 1,3,4,5,8,9,10) là đất của ông Lê Văn M chưa được cấp giấy chứng nhận. Do đó, việc ông H1và anh K làm hàng rào, chuồng nuôi gà trên phần đất do ông H1 đứng tên quyền sử dụng phần diện tích 11,3m^2 là phù hợp vì phần đất này là quyền sử dụng của ông H1, nên không chấp nhận yêu cầu của ông P. Tuy nhiên, phần hàng rào, chuồng nuôi gà do ông H1 và anh K làm lấn qua một phần diện tích 5,7m^2 thuộc một phần thửa 521 là phần đất của ông M (theo sơ đồ gồm các mốc M32, M33, M40, M41, M42, M1, M2, M37, M36, M29, M30, M31 trở về M32, thể hiện vị trí số 1,3,4,5,8,9,10), nên buộc ông H1 và anh K phải tháo dở phần hàng rào, chuồng nuôi gà và các tài sản, vật dụng khác có trên phần đất để giao trả lại cho những người thừa kế của ông M sử dụng là phù hợp.

- Đối với yêu cầu của ông P yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H1 đối với phần đất có nhà ông Lê Văn M mà ông đang trực tiếp sử dụng có tổng diện tích là 95,2m^2 (theo sơ đồ thể hiện vị trí số 2,6,11,12,15,20,23,26), Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất đang tranh chấp có dính căn nhà của ông M; căn nhà của chị T, anh L; hàng rào, chuồng nuôi gà của ông H1, anh K là đều thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 09 do ông H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên cho hộ ông H1 là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, xét yêu cầu của ông P là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Xét án sơ thẩm xử không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Thành P (đại diện cho Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H) chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông về việc buộc ông Lê Văn H1, anh Nguyễn Văn K tháo dở một phần hàng rào, chuồng nuôi gà trên diện tích 5,7m^2 thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 (theo sơ đồ gồm các mốc M32, M33, M40, M41, M42, M1, M2, M37, M36, M29, M30, M31 trở về M32, thể hiện vị trí số 1,3,4,5,8,9,10) là đất của ông M, nên buộc ông H1 và anh K phải tháo dở phần hàng rào, chuồng nuôi gà và các tài sản, vật dụng khác có trên phần đất này để giao trả lại cho những người thừa kế của ông M sử dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thành P, bà Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị P, Lê Thị M, anh Ôn Trường G do ông P là người đại diện ủy quyền.

[3] Đối với diện tích 06m^2 (theo sơ đồ gồm các mốc M22, M23, M21, M17, M20 trở về M22, thể hiện vị trí số 16) là thuộc một phần thửa 134, tờ bản đồ số 09 do anh Lê Văn V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã dính vào căn nhà của ông Lê Văn M cất trước đây hiện ông P đang quản lý sử dụng, anh V

không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không xem xét giải quyết.

[4] Đối với phần đất sử dụng làm lối đi chung (ngoài phần đất tranh chấp giữa các đương sự), các đương sự đồng ý để làm lối đi chung không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Đối với các phần đất thuộc thửa 521, tờ bản đồ số 09 có nguồn gốc của ông Lê Văn M, như nhận định phần trên thì trong vụ án này ông Lê Văn H1 không tranh chấp, nên không xem xét, những người thừa kế của ông M tự quản lý và đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 126, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Lê Văn H1 đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 521, tờ bản đồ số 09 do những người thừa kế của ông Lê Văn M là ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H đang quản lý sử dụng là đoạn thẳng được nối bởi các mốc M23, M27, M26, M29, M30, M31, M32, M33, M40 và đoạn thẳng được nối bởi các mốc M15, M11, M13, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất theo quy định của pháp luật về ranh giới quyền sử dụng đất, tài sản, vật kiến trúc của ai vướng vào đường ranh chung thì phải tháo dở, di dời.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông H1, ông P, bà K, bà S, bà M, anh G mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà P có đơn xin miễn tiền án phí phúc thẩm thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà P.

Tuy nhiên, trong quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[8] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và Lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thành P; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn H1. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H1, ông P, bà K, bà S, bà M, anh G, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166; Điều 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12; Điều 64; Điều 66; Điều 74; Điều 95; Điều 99; Điều 100; Điều 166; Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn H1.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thành P đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà Lê Thị P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, anh Ôn Trường G.

3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn H1:

Buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H liên đới trả giá trị đất cho ông Lê Văn H1 trên diện tích 57,9m^2, thành tiền là 28.950.000 đồng.

Ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H được tiếp tục sử dụng diện tích 57,9 m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ gồm các mốc M23, M27, M26, M29, M9, M10, M11, M15, M16, M17, M21 trở về M23 thể hiện vị trí trên sơ đồ số 12,15,20,23).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích mà mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 57,9m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H1 ngày 08/10/2001 (thể hiện các mốc và vị trí như đã nêu trên) để cấp lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M là ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H theo bản án đã tuyên.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Thành P (đại diện cho Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H), về việc buộc ông Lê Văn H1, anh Nguyễn Văn K tháo dở di dời một phần hàng rào, chuồng nuôi gà và các tài sản, vật dụng khác có trên phần đất.

Buộc ông Lê Văn H1, anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm tháo dở, di dời bằng mọi hình thức phần hàng rào, chuồng nuôi gà và các tài sản, vật dụng khác ra khỏi diện tích 5,7m^2 thuộc một phần thửa 521, tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H (theo sơ đồ gồm các mốc M32, M33, M40, M41, M42, M1, M2, M37, M36, M29, M30, M31 trở về M32, thể hiện vị trí sơ đồ số 1,3,4,5,8,9,10) để giao trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M là ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H quản lý, sử dụng.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 126, tờ bản đồ số 09 do hộ ông Lê Văn H1 đứng tên quyền sử dụng đất với thửa 521, tờ bản đồ số 09 do những người thừa kế của ông Lê Văn M là ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H đang quản lý sử dụng là đoạn thẳng được nối bởi các mốc M23, M27, M26, M29, M30, M31, M32, M33, M40 và đoạn thẳng được nối bởi các mốc M15, M11, M13, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất theo quy định của pháp luật về ranh giới quyền sử dụng đất, tài sản, vật kiến trúc của ai vướng vào đường ranh chung thì phải tháo dở, di dời.

(Có sơ đồ mốc phần đất tranh chấp ngày 28/11/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H kèm theo).

6. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thành P về việc:

6.1. Yêu cầu ông Lê Văn H1 và con ông H1 là Hồ Văn L và Lê Thị Thùy T phải di dời căn nhà trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M phần đất phía trước căn nhà ông M có diện tích là 26m^2 thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H (theo sơ đồ gồm các mốc M11, M13, M14, M15 trở về M11, thể hiện vị trí sơ đồ số 26).

6.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Văn H1 đối với các phần đất có nhà ông Lê Văn M; nhà chị Lê Thị Thùy T, anh Hồ Văn L; hàng rào, chuồng nuôi gà với tổng diện tích 95,2 m^2 thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ số 09 (theo sơ đồ gồm các mốc M25, M32, M31, M30, M29, M9, M10, M11, M13, M14, M15, M16, M17, M21, M23, trở về M25, thể hiện vị trí sơ đồ số 2,6,11,12,15,20,23,26).

6.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông P yêu cầu ông Lê Văn H1 và anh Nguyễn Văn K tháo dở hàng rào, chuồng nuôi gà trên phần đất diện tích 11,3m^2

thuộc thửa 126, tờ bản đồ số 09 do ông Lê Văn H1 đứng tên, để trả lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn M sử dụng (theo sơ đồ gồm các mốc M25, M32, M31, M30, M29, M26, M27, M23 trở về M25, thể hiện vị trí sơ đồ số 2,6,11).

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Thành P, về việc yêu cầu ông Lê Văn H1 bồi thường thiệt hại về tài sản.

8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi cho số tiền còn phải thi hành bằng 50% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

9. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn H1, anh Nguyễn Văn K phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ông H1 đồng ý nộp thay phần án phí cho anh K), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H1 đã nộp là 815.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004883 ngày 27/11/2012, ông Lê Văn H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 515.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

+ Buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H phải liên đới chịu 2.580.500đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 12073 ngày 07/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, nên còn phải nộp tiếp 2.280.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H phải liên đới nộp 3.534.000đ (ông Lê Thành P đã tạm ứng 1.408.000đ, ông Lê Văn H1 đã tạm ứng 2.126.000đ) và đã chi xong.

Buộc ông Lê Thành P, Lê Thị Tuyết T, Lê Thị Bảo N, Lê Thị P, Lê Thị K, Lê Thị S, Lê Thị M, Ôn Thị Thanh T, Ôn Trường G, Ôn Thị Thanh L, Ôn Thị Bích Đ, Ôn Trường S, Ôn Trường H có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Lê Văn H1 số tiền 2.126.000đ.

11. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 14597 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (ông H1 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Ông Lê Thành P, bà Lê Thị K, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, anh Ôn Trường G mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 14598; 14600; 14601; 14599; 14602 cùng ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (ông P, bà K, bà S, bà M, anh G đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- TAND huyện H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.